

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ IA BĂNG**

Số: 12 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ia Băng, ngày 08 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA BĂNG KHÓA XIII
KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Tỉnh Gia Lai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về giao chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 cho các xã, phường (mới) trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tại tờ trình số: 40/TTr-UBND ngày 05/8/2025; Báo cáo thẩm tra số 03/BC-KTNS ngày 07/8/2025 của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-VHXXH ngày 07/08/2025 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, chi tiết phụ lục kèm theo.

Điều 2. Điều khoản thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Ia Băng khóa XIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Thường vụ Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- UBND xã;
- UB MTTQ xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Lưu.



CHỦ TỊCH

Y Đức Thành



Phụ lục

CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 08/8/2025 của HĐND xã Ia Băng)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 6 tháng cuối năm	KH năm 2025
1	Tốc độ tăng giá trị sản phẩm	%	7,59	7,83
	- Nông, lâm, thủy sản	%	6,04	7,09
	- Công nghiệp và xây dựng	%	17,62	12,40
	+ Công nghiệp	%	18,93	12,96
	+ Xây dựng	%	16,83	11,93
	- Dịch vụ	%	7,92	7,29
2	Kim ngạch xuất khẩu	USD		
3	Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	396,38	715,47
4	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	3.469	6.938
5	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	97,50	97,50
6	Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	3,10	3,10
7	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	25	120
8	Tạo việc làm mới	Người	145	300
9	Đào tạo nghề lao động nông thôn	Người	160	160
10	Tỷ lệ che phủ rừng	%	13,97	13,97
11	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%		
12	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,00	98,00
	<i>Trong đó: Tỷ lệ sử dụng nước sạch</i>	%	0	0
13	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%		
14	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	20	20
15	Thu hút dự án mới	Dự án	0	0
16	Phòng chống lấn chiếm đất đai			
-	Số vụ vi phạm được giải quyết trong năm	Số vụ		
17	Giải phóng mặt bằng			

-	Số lượng công trình, dự án hoàn thành GPMB so với tổng số dự án trên địa bàn	%	50	50
19	Giảm tỷ lệ đơn khiếu nại về lĩnh vực đất đai phát sinh mới	%	70	70
19	Tỷ lệ giải quyết số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	%	85	85
20	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công so với kế hoạch HĐND tỉnh giao	%	100	100
21	Phát triển sản phẩm du lịch mới	Sản phẩm		
22	Xây dựng mới cơ sở giết mổ động vật tập trung	Cơ sở		
23	Hình thành mới chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn	Chuỗi		